

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**
Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày: 26-12-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Mộng Trinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Lương

Ông Nguyễn Văn Duật

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nữ Như Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phước An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Thị Tuyết V**, sinh ngày 28/12/1977 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; giới tính: Nữ; nơi đăng ký NKTT và chỗ ở hiện nay: 0 P, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; con của ông Phạm T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tuyết N; có chồng (đã ly hôn) là Huỳnh Anh M; có 03 con, lớn nhất sinh năm 1998, nhỏ nhất sinh năm 2018. Về nhân thân: Từ năm 1997 đến năm 2011 làm Giáo viên Trường tiểu học C1, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Từ năm 2011 đến nay: Giáo viên trường tiểu học T4, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 12/7/2024 đến ngày 17/10/2024 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lĩnh” cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị M1, sinh năm 1991; trú tại: S, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Ngô Thị Lệ H, sinh năm 1984, trú tại: S, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Huỳnh Phạm Anh H1; địa chỉ: 2 Đ, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Tuyết N; địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Ông Huỳnh Ngọc Anh T1; địa chỉ: T, huyện H, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.
4. Ông Nguyễn Quốc K; địa chỉ: Thôn A, xã H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
5. Bà Nguyễn Thị Thu S; địa chỉ: A P, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
6. Ông Trần Công C; địa chỉ: S, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.
7. Bà Nguyễn Thị T2; địa chỉ: L, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2019, con trai của Phạm Thị Tuyết V là cháu Phạm Đức A, sinh năm 2018 đi học tại Trường Mầm non C2 tại phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đây, bị cáo có quen biết với chị Trần Thị M1 là giáo viên đang dạy con của mình. Sau nhiều lần tiếp xúc, bị cáo có giới thiệu với chị M1 là có quen biết nhiều người làm về đất đai và có thể làm được thủ tục giấy tờ nhà đất. Do gia đình của chị M1 đang có 01 thửa đất của ông nội chị M1 bị thất lạc giấy tờ gốc nên chị M1 muốn nhờ bị cáo V làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 337, tờ bản đồ 36, diện tích 814,4m² tọa lạc tại S, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Thời điểm này, Phạm Thị Tuyết V đang nợ tiền của nhiều người và liên tục bị đòi nợ nên đang gặp khó khăn về tài chính. Mặc dù công việc của mình không liên quan gì đến đất đai và cũng không nắm rõ quy trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng khi biết chị M1 đang có nhu cầu và nhờ làm giấy tờ nhà đất thì V vẫn đồng ý, sau đó thông báo cho chị M1 biết chi phí để làm thủ tục được cấp sổ đỏ là 280.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi triệu đồng), còn nếu tiếp tục tách thửa thì thêm 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), chị M1 đồng ý với phương án trên.

Ngày 05/6/2024, chị M1 đến nhà chị Ngô Thị Lệ H để nhờ chị H chuyển số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) từ số tài khoản 4002215007364 của Ngân hàng A1, chủ tài khoản Ngô Thị Lệ H đến số tài khoản 55110000383497 của Ngân hàng B, chủ tài khoản Phạm Thị Tuyết V. Số tiền còn lại chị M1 sẽ trực tiếp đến gặp V để chuyển bằng tiền mặt.

Sau khi nhận được số tiền 150.000.000 đồng chuyển khoản, V lập tức sử dụng để trả nợ cho những cá nhân V đã vay, còn lại một ít thì sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau đó, V chỉ yêu cầu chị M1 cung cấp thông tin thửa đất nêu trên mà không yêu cầu đưa các giấy tờ liên quan đến thửa đất để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào khoảng tháng 7/2022, V dẫn chị M1 đến Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H và Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H để hỏi rõ về thửa đất nêu trên thì được các cơ quan chức năng trả lời thửa đất trên thuộc sự quản lý của Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H. Sau khi biết được thông tin, V không tiến hành bất cứ hoạt động gì để làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị M1 và chiếm đoạt số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân.

Quá trình điều tra, Phạm Thị Tuyết V đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên.

*Ngày 27/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H có Công văn số 373/CQĐT-ĐTTH gửi Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H đề nghị cung cấp thông tin thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36 tại phường H, thị xã H.

Ngày 18/12/2023 Ủy ban nhân dân phường H có công văn số 1071/UBND-ĐC về việc cung cấp thông tin như sau:

Thửa đất trên theo đo đạc bản đồ năm 1995 thuộc thửa đất 145, tờ bản đồ số 6 (mảnh 191e) ký hiệu T (không có nhà ở trên đất) không có sổ mục kê theo dõi chủ sử dụng đất.

Theo bản đồ đo đạc năm 2010 và chỉnh lý năm 2015 thửa đất trên thuộc thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36, diện tích 814,3m², loại đất ở ONT, đất do UBND phường quản lý.

* Ngày 29/12/2023, Công an thành phố H có Công văn số 3419/CQĐT-ĐTTH gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế về việc đề nghị cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36 tại phường H.

Ngày 04/01/2024, Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã H Công văn số 20/TNMT về việc cung cấp thông tin liên quan đến thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36, phường H, thị xã H như sau:

- Đối tượng sử dụng đất: UBND phường H, thị xã H.
- Diện tích thửa đất: 814,3m².
- Loại đất: Đất ở tại đô thị.

Tình hình giao dịch từ ngày 05/6/2022: UBND phường H có làm đơn đăng ký để quản lý .

* Ngày 09/9/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã H có Công văn số 479/ĐTTH ngày 09/9/2024 gửi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị phối hợp cung cấp thông tin liên quan nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36 tại phường H.

Ngày 11/9/2024, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế có Công văn số 5207 phúc đáp: Từ ngày 05/6/2022 cho đến nay, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã H không tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36 do chị Phạm Thị Tuyết V đứng tên.

*Ngày 28/12/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H có Công văn số 3457/CQĐT-ĐTTH gửi Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh T5 về việc đề nghị cung cấp thông tin, sao kê tài khoản số 55110000383497 của Phạm Thị Tuyết V.

Ngày 17/01/2024, Ngân hàng TMCP Đ BIDV Công văn số 070/BIDV.TTH-QLRR về việc phối hợp cung cấp thông tin, kèm 15 tờ A4 thể hiện kết quả sao kê

tài khoản tiền gửi khách hàng Phạm Thị Tuyết V, số tài khoản 5510383497 (số tài khoản cũ 55110000383497) từ ngày 05/6/2022 đến ngày 30/6/2022.

Vật chứng thu giữ, gồm:

- 01 (một) USB màu bạc, nhãn hiệu Kingston, bên trong USB có chứa 01 file âm thanh định dạng M4A dài 17 phút 48 giây, dung lượng 16.5MB; 01 file âm thanh định dạng M4A dài 14 phút 32 giây, dung lượng 13.4MB; 01 file âm thanh định dạng M4A dài 40 phút 29 giây, dung lượng 27.9MB. Đây là các file âm thanh ghi lại các cuộc điện thoại giữa chị Trần Thị M1 và bị can Phạm Thị Tuyết V.

- 23 (hai mươi ba) trang tài liệu in trên giấy A4 thể hiện nội dung tin nhắn trao đổi giữa Trần Thị M1 với Phạm Thị Tuyết V qua ứng dụng Zalo do Phạm Thị Tuyết V giao nộp.

- 08 (tám) trang tài liệu in trên giấy A4 thể hiện nội dung tin nhắn trao đổi giữa Trần Thị M1 với Phạm Thị Tuyết V qua ứng dụng Zalo do Trần Thị M1 giao nộp.

- 13 (mười ba) trang tài liệu được in trên giấy A4 thể hiện việc vay mượn tiền của Phạm Thị Tuyết V với các tổ chức, cá nhân do Phạm Thị Tuyết V giao nộp.

**Xử lý vật chứng:* Tất cả các vật chứng nêu trên đều lưu hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Phạm Thị Tuyết V đã bồi thường cho chị Trần Thị M1 số tiền 150.000.000 đồng, chị M1 đã nhận đủ tiền bồi thường và không có yêu cầu gì thêm, có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKS-HTr ngày 07/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà đã truy tố Phạm Thị Tuyết V về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm theo Cáo trạng đã truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết V từ 15 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng từ ngày tuyên án về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không có yêu cầu nên không xem xét; về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, đủ căn cứ để kết luận: Phạm Thị Tuyết V không có khả năng làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do muốn có tiền để trả nợ cho người khác nên đã đưa ra thông tin gian dối, tự giới thiệu với chị Trần Thị M1 là có quen biết nhiều người làm về đất đai và có thể làm được thủ tục giấy tờ nhà đất để chị M1 tin tưởng. Vào ngày 05/6/2022, tại địa bàn thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, chị Trần Thị M1 đã chuyển khoản số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) từ số tài khoản 4002215007364 của Ngân hàng A1, chủ tài khoản Ngô Thị Lệ H đến số tài khoản 55110000383497 của Ngân hàng B, chủ tài khoản Phạm Thị Tuyết V để nhờ V làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 337, tờ bản đồ 36, diện tích 814,4m² tọa lạc tại S, phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngay khi nhận được tiền, V không nộp hồ sơ, không làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chiếm đoạt số tiền đã nhận sử dụng vào mục đích cá nhân.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, đưa ra thông tin gian dối để xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó, hành vi của Phạm Thị Tuyết V đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự, đúng như cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà đã truy tố.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo nhận thức rõ việc đưa ra thông tin gian dối để làm cho người khác tin đó là sự thật nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản là hành vi vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để phục vụ cho mục đích cá nhân nên đã cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của xã hội, nên cần xử lý nghiêm để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các tình tiết khác: Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có nhiều đóng góp cho ngành giáo dục, được tặng thưởng nhiều Giấy khen trong thời gian công tác. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên được áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Về biện pháp chấp hành hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại do hành vi của mình gây ra; bản thân bị cáo là giáo viên, có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình công tác bị cáo được UBND thị xã H tặng nhiều Giấy khen vì có nhiều thành tích trong giảng dạy; Nhà trường và tổ chức công đoàn nơi bị cáo công tác đều gửi đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là mẹ đơn thân nuôi con nhỏ; có nơi cư trú rõ ràng, thật sự ăn năn về hành vi của mình, bị cáo có khả năng tự cải tạo nên không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử cho bị cáo hình phạt tù nhưng được hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có

căn cứ pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của nhà nước; giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục, rèn luyện bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội trong thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

[4] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ các chứng cứ đã thu thập.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật hình sự:

Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Tuyết V phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Tuyết V 18 tháng tù nhưng cho hưởng treo, thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo;

Giao bị cáo Phạm Thị Tuyết V cho Ủy ban nhân dân phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Phạm Thị Tuyết V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; đối với những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX Hương Trà;
- VKSND tỉnh TT.Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh TT Huế;
- Công an TX Hương Trà;
- Bị cáo;
- Bị hại; người có q. lợi liên quan;
- THADS TX Hương Trà;
- THAHS;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Mai Thị Mộng Trinh